

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại C34/1 Đường số 2G, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2010 gồm:

Công ty TNHH Một Thành Viên Đồ Hộp Phú Nhật – Công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, mua bán hàng hoá nông – lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến.

Dịch vụ giao nhận hàng hoá

Đại lý mua bán, ký gởi hàng hoá

Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở)

Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Nhật	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thúy	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tấn Trung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Hương	Thành viên
Ông Lương Công Gia	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Nhật	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tấn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Diệu Hương	Phó Tổng Giám đốc

Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty.

Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm cho kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

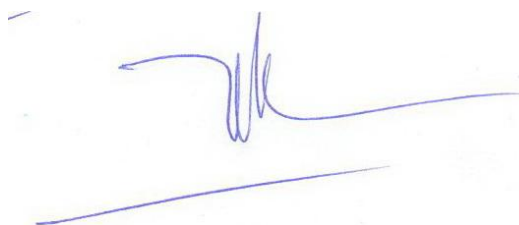
Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2010.


KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


TĂNG QUỐC THẮNG LỘ
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại C34/1 Đường số 2G, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Chủ yếu là sản xuất, mua bán hàng hoá nông - lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hàng hoá nông – lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến.
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hoá
- Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở)

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý như sau:

- Đối với tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ:
 - + Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì Công ty được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.
 - + Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng

tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
+ Máy móc thiết bị	12 năm
+ Phương tiện vận tải	
+ Quyền sử dụng đất	

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ
- Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Ghi nhận cổ tức
- Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế:
 - + Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6512/UB-CNN do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2004, Công ty được hưởng thuế suất là 25%, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2005 và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo cho Phân xưởng 2.

- + Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4116/ UB–CNN do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2001, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN là 25% cho khoản thu nhập chịu thuế của Phân xưởng 1.
- + Năm 2010, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25% cho toàn bộ hoạt động của Công ty.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ kế toán này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	707.187.396	606.156.086
Tiền gửi ngân hàng	182.057.703	71.760.416
Tổng cộng	889.245.099	677.916.502

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	19.739.749.957	19.592.496.512
Trả trước cho người bán	6.028.148.914	6.541.909.007
Các khoản phải thu khác	14.263.730.641	12.444.773.424
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	40.031.629.512	38.579.178.943
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	40.031.629.512	38.579.178.943

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền vay của CB CNV	798.440.987	854.685.695
Phải thu nhà cung ứng (tạm ứng)	4.559.342.530	2.684.342.530
Phải thu Công ty TNHH Đồ hộp Phú Nhật - Công ty con mượn để xây dựng nhà máy – xem thêm mục 7	8.900.000.000	8.900.000.000
Phải thu khác của công nhân	5.947.124	5.745.199
Cộng	14.263.730.641	12.444.773.424

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.982.903.011	2.423.675.427
Công cụ, dụng cụ	255.072.041	304.629.504
Thành phẩm	33.549.199.795	30.817.463.094
Cộng giá gốc hàng tồn kho	37.787.174.847	33.545.768.025
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	37.787.174.847	33.545.768.025

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên mua nguyên, vật liệu	13.346.216.606	12.753.076.606
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn tại các ngân hàng	-	753.942.785
Tổng cộng	13.346.216.606	13.507.019.391

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	9.520.325.283	17.477.757.967	2.896.125.982	29.894.209.232
Mua trong kỳ	-	27.764.573	974.493.639	1.002.258.212
Số dư cuối kỳ	9.520.325.283	17.505.522.540	3.870.619.621	30.896.467.444
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.304.157.000	14.302.443.253	435.861.000	19.042.461.253
Khấu hao trong kỳ	330.216.000	733.363.000	152.925.000	1.216.504.000
Số dư cuối kỳ	4.634.373.000	15.035.806.253	588.786.000	20.258.965.253
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	5.216.168.283	3.175.314.714	2.460.264.982	10.851.747.979
Tại ngày cuối kỳ	4.885.952.283	2.469.716.287	3.281.833.621	10.637.502.191

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Giá trị được định giá của tài sản đã dùng thế chấp bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN TP.HCM cho các khoản vay là 10.070.000.000 đồng – xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.620.027.253 đồng.

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	12.323.580.116	25.600.000	12.349.180.116
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	12.323.580.116	25.600.000	12.349.180.116
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	721.483.000	17.065.333	738.548.333
Khấu hao trong kỳ	89.220.000	4.266.000	93.486.000
Số dư cuối năm	810.703.000	21.331.333	832.034.333
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	11.602.097.116	8.534.667	11.610.631.783
Tại ngày cuối năm	11.512.877.116	4.268.667	11.517.145.783

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

5.7. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật với tỷ lệ vốn góp là 100%.

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi đầu tư xây dựng Nhà máy đồ hộp Phú Nhật	33.568.420.543	26.231.206.797
Cộng	33.568.420.543	26.231.206.797

5.8. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ, ký cược thuê tài chính xe Ô tô kéo Container và 4 rơmooc theo Hợp đồng số 080722501 ngày 07 tháng 07 năm 2008 với Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Challease..

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	53.671.157.259	48.917.880.207
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	185.856.725	348.251.754
Tổng cộng	53.857.013.984	49.266.131.961
Các khoản		

vay ngân hàng được thế chấp bằng quyền sử dụng đất thuê và nhà xưởng, chịu lãi suất từ 12 %/năm đến 14,66 %/năm đối với khoản vay VND và khoảng 6.6 %/năm đối với khoản vay USD. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng xuất khẩu thủy sản. Tài sản thế chấp vay được đánh giá lại bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN TP.HCM theo Biên bản định giá lại tài sản thế chấp (lần 2) số 08.725004/02/BBĐGTS ngày 19 tháng 03 năm 2010 bao gồm máy móc thiết bị 3.939.000.000 đồng và theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 05.725003/05/HĐTC ngày 28 tháng 06 năm 2010 bao gồm quyền sử dụng đất 3.533.000.000 đồng và công trình xây dựng trên đất là 2.598.000.000 đồng.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	5.245.162.632	2.674.695.765
Người mua trả tiền trước	198.656.219	138.641.573
Tổng cộng	5.443.818.851	2.813.337.338

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.942.711.084	1.711.276.483
Thuế thu nhập cá nhân	11.071.501	2.818.316
Tổng cộng	2.953.782.585	1.714.094.799

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương kỳ 2 tháng 6 chưa chi.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Cuối kỳ	Đầu năm
---------	---------

Kinh phí công đoàn	96.173.519	79.512.879
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	106.119.390	37.279.171
Tổng cộng	202.292.909	116.792.050

5.14. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	612.500.000	-
Nợ thuê tài chính	283.083.714	283.083.714
Tổng cộng	95.583.714	283.083.714

Khoản vay dài hạn là các khoản vay tại ngân hàng Á Châu để mua xe ô tô Toyota Fortuner. Khoản nợ dài hạn là nợ thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B080722501 ngày 07 tháng 07 năm 2008, thời hạn thuê là 36 tháng.

5.15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.230.710.000	1.258.854.848	207.422.435	-	81.696.987.283
Trích quỹ	-	350.000.000	(650.294.399)	-	(300.294.399)
Lợi nhuận năm trước	-	-	9.649.243.580	-	9.649.243.580
Chia cổ tức	-	-	(7.220.763.900)	-	(7.220.763.900)
Số dư đầu năm nay	80.230.710.000	1.608.854.848	1.985.607.716	-	83.825.172.564
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	4.091.204.796	-	4.091.204.796
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(34.426.211)	(34.426.211)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.015.622.038)	-	(1.015.622.038)
Số dư cuối kỳ	80.230.710.000	1.608.854.848	5.061.190.474	(34.426.211)	86.866.329.111

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	50.718.490.000	50.718.490.000
Vốn góp của các đối tượng khác	29.512.220.000	29.512.220.000
Tổng cộng	80.230.710.000	80.230.710.000

5.15.3. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.680.000	8.680.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	8.023.071	8.023.071
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	8.023.071	8.023.071
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của Công ty	4.091.204.796	4.215.123.204
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.023.071	8.023.071
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	509,93	525,38

5.15.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	1.985.607.716	207.422.435
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.523.867.978	5.074.252.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.432.663.182)	(859.128.826)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.015.622.038)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	5.061.190.474	4.422.545.639

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	32.616.966.839	37.454.527.348
Giảm giá hàng bán	-	(60.461.154)
Hàng bán bị trả lại	(1.550.456.967)	(3.677.857.080)
Doanh thu thuần	31.066.509.872	33.716.209.114

6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.354.783	70.985.820
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	112.134.150
Tổng cộng	45.354.783	183.119.970

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay ngân hàng, vay chiết khấu	2.734.782.045	2.493.500.779
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	332.746.377	218.658.375
Chi phí thuê xe tài chính	24.720.139	66.025.215
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.204.722	-
Tổng cộng	3.094.453.283	2.778.184.369

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	Công ty con

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.2	8.900.000.000	8.900.000.000

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Tổng Giám đốc	56.730.000	56.400.000
Thù lao Hội đồng quản trị	77.900.000	-
Tổng cộng	134.630.000	56.400.000

8. Các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính

Công ty đang thuê 1 xe ô tô đầu kéo FAW, 2 romooc 40 feet và 2 romooc 20 feet với thời gian sử dụng ước tính 10 năm theo hợp đồng thuê tài chính số B080722501 ngày 08 tháng 01 năm 2008 với thời hạn là 12 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trên 1 năm đến 5 năm	1.340.000.000	1.340.000.000
Tổng cộng	1.340.000.000	1.340.000.000

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Các thông tin thuyết minh khác

Năm 2010 Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông

tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số 4.1). Theo đó, khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền là (34.426.211) đồng được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (Chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập như những năm trước.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 07 năm 2010.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN CÔNG THƠ



Nguyễn Văn Nhật